

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)

Số/ No: 08042601/KQ

Tên khách hàng/ Customer

Địa chỉ/ Address

Loại mẫu/ Type of sample

Tên mẫu/ Name of sample

Mã số mẫu/ Code of sample

Mô tả mẫu/ Sample description

Số lượng/ Quantity

Ngày lấy mẫu/ Date of sampling

TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG
NÔNG THÔN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số 39 đường Hoàng Diệu, phường Long Hương, Thành phố Hồ Chí Minh

Nước sạch

Nước sạch sau xử lý

Nhà máy cấp nước Châu Pha, xã Châu Pha, Thành phố Hồ Chí Minh (10.603184; 107.145590)

: 080426-001

Mẫu nước trong, đựng trong 1 can nhựa 2,0L và 1 chai thủy tinh 0,5L

: 01 mẫu

Ngày trả kết quả/ Date of result : 15/04/2026

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Kết quả (Result)	QCVN 01-1:2024/BYT
				080426-001	
1.	(a) Coliforms	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	<1(*)	<1
2.	(a) E.coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	<1(*)	<1
3.	(a) Màu sắc/Color	TCU	TCVN 6185:2015	KPH (LOD = 3)	15
4.	(a) Mùi/Odor	--	HDPT.N-03:2023 (Ref SMEWW 2150:2023)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
5.	(a) pH	--	TCVN 6492:2011	7,21	6,0 – 8,5
6.	(a) Độ đục/Turbidity	NTU	SMEWW 2130:2023	KPH (LOD = 0,12)	2
7.	(a) Arsen/Arsenic (As)	mg/L	SMEWW 3125B:2023	KPH (LOD = 0,002)	0,01
8.	(a) Clo dư tự do/ free chlorine	mg/L	SMEWW 4500-Cl ₂ .B:2023	0,58	0,2 – 1,0
9.	(a) Chỉ số pecmanganat/ permanganate	mg/L	TCVN 6186 :1996	< 1,5 (LOQ = 1,5)	2
10.	(a) Amoni (tính theo N)/ Ammonium	mg/L	TCVN 6179-1:1996	KPH (LOD = 0,03)	1

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu phân tích đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2024/BYT/ The water sample had parameters which met requirements of National Technical Regulation on the domestic water quality QCVN 01-1:2024/BYT.

Ghi chú/Notes:

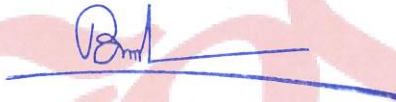
- (*) Kết quả được biểu thị "<1 CFU" được xem là "không phát hiện vi sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu kiểm tra;
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the analysis sample only;
- Mẫu được lưu 30 ngày, kể từ ngày trả kết quả, ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh/ Sample is stored 30 days after reased the test results, except for microbiological criteria;
- KPH: Không phát hiện/ Not detected; (–): Không quy định/ No specified; (-): Không thực hiện/Not implemented;
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp/ Limit of detection; LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of quantitation;
- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt / National technical regulation on Domestic Water Quality;

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)**

Số/ No: 08042601/KQ

- Phòng thí nghiệm đã được Bộ Khoa học và Công nghệ cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm (317/TN-TĐC)/ The Testing Lab is granted a Certificate of Registration for Testing Activities (317/TN-TĐC) by the Ministry of Science and Technology.
- (a): Phương pháp đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BOA) – Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 599)/ Method is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation – Viet Nam (Vilas 599)

**Trưởng phòng dịch vụ phân tích
(Head of analytical services)**

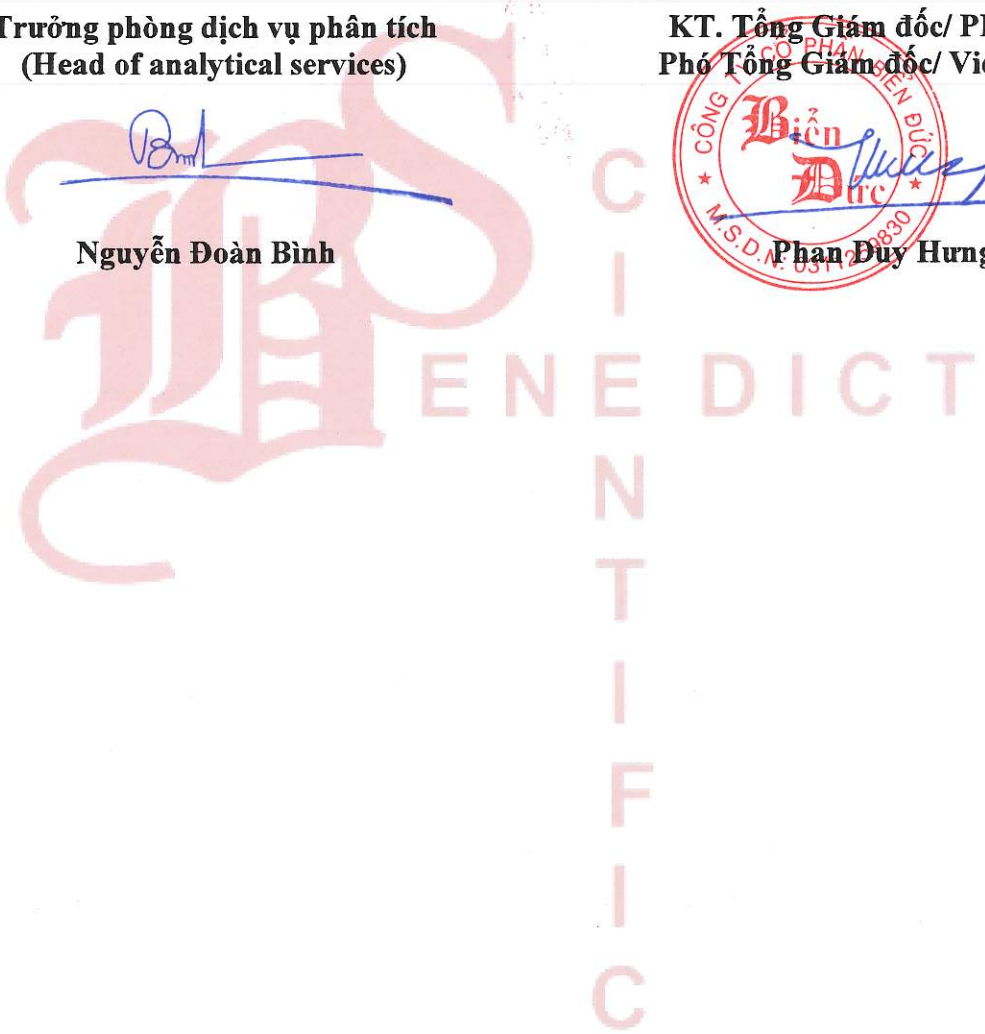


Nguyễn Đoàn Bình

**KT. Tổng Giám đốc/ PP. Director
Phó Tổng Giám đốc/ Vice Director**



Phan Duy Hưng



TRỤ SỞ CHÍNH
781/13/3A Lạc Long Quân, phường Bảy Hiền, Tp.HCM
Hotline: 0914949539
Email: info@bienduc.com
Web: www.bienduc.com

CN ĐÀ NẴNG.....
06, Hoài Thanh, Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng
Hotline: 0914949774
Email: cndanang@bienduc.vn

CN HÀ NỘI.....
Nhà vườn 5, Tổng cục 5 Bộ công an, Yên Xá, Thanh Liệt, Hà Nội
Hotline: 0916949490
Email: cnhanoi@bienduc.vn



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)

Số/ No: 08042601/KQ

Tên khách hàng/ Customer

Địa chỉ/ Address

Loại mẫu/ Type of sample

Tên mẫu/ Name of sample

Mã số mẫu/ Code of sample

Mô tả mẫu/ Sample description

Số lượng/ Quantity

Ngày lấy mẫu/ Date of sampling

TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG
NÔNG THÔN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số 39 đường Hoàng Diệu, phường Long Hương, Thành phố Hồ
Chí Minh

Nước sạch

Nước sạch sau xử lý

Hộ dân Nguyễn Quang Minh, xã Châu Pha, Thành phố Hồ Chí
Minh (10.601612; 107.148557)

080426-002

Mẫu nước trong, đựng trong 1 can nhựa 2,0L và 1 chai thủy tinh
0,5L

01 mẫu

08/04/2026

Ngày trả kết quả/ Date of result

15/04/2026

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Kết quả (Result)	QCVN 01-1 :2024/BYT
				080426-002	
1.	(a) Coliforms	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	<1(*)	<1
2.	(a) E.coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	<1(*)	<1
3.	(a) Màu sắc/Color	TCU	TCVN 6185:2015	KPH (LOD = 3)	15
4.	(a) Mùi/Odor	--	HDPT.N-03:2023 (Ref SMEWW 2150:2023)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
5.	(a) pH	--	TCVN 6492:2011	7,00	6,0 – 8,5
6.	(a) Độ đục/Turbidity	NTU	SMEWW 2130:2023	KPH (LOD = 0,12)	2
7.	(a) Arsen/Arsenic (As)	mg/L	SMEWW 3125B:2023	KPH (LOD = 0,002)	0,01
8.	(a) Clo dư tự do/ free chlorine	mg/L	SMEWW 4500-Cl ₂ .B:2023	0,50	0,2 – 1,0
9.	(a) Chỉ số pecmanganat/ permanganate	mg/L	TCVN 6186 :1996	1,94	2
10.	(a) Amoni (tính theo N)/ Ammonium	mg/L	TCVN 6179-1:1996	KPH (LOD = 0,03)	1

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu phân tích đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2024/BYT/ The water sample had parameters which met requirements of National Technical Regulation on the domestic water quality QCVN 01-1:2024/BYT.

Ghi chú/Notes:

- (*) Kết quả được biểu thị "<1 CFU" được xem là "không phát hiện vi sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu kiểm tra;
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the analysis sample only;
- Mẫu được lưu 30 ngày, kể từ ngày trả kết quả, ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh/ Sample is stored 30 days after reased the test results, except for microbiological criteria;
- KPH: Không phát hiện/ Not detected; (-): Không quy định/ No specified; (-): Không thực hiện/Not implemented;
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp/ Limit of detection; LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of quantitation;
- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt / National technical regulation on Domestic Water Quality;

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)**

Số/ No: 08042601/KQ

- Phòng thí nghiệm đã được Bộ Khoa học và Công nghệ cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm (317/TN-TĐC)/ The Testing Lab is granted a Certificate of Registration for Testing Activities (317/TN-TĐC) by the Ministry of Science and Technology.
- (a): Phương pháp đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BOA) – Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 599)/ Method is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation – Viet Nam (Vilas 599)

**Trưởng phòng dịch vụ phân tích
(Head of analytical services)**

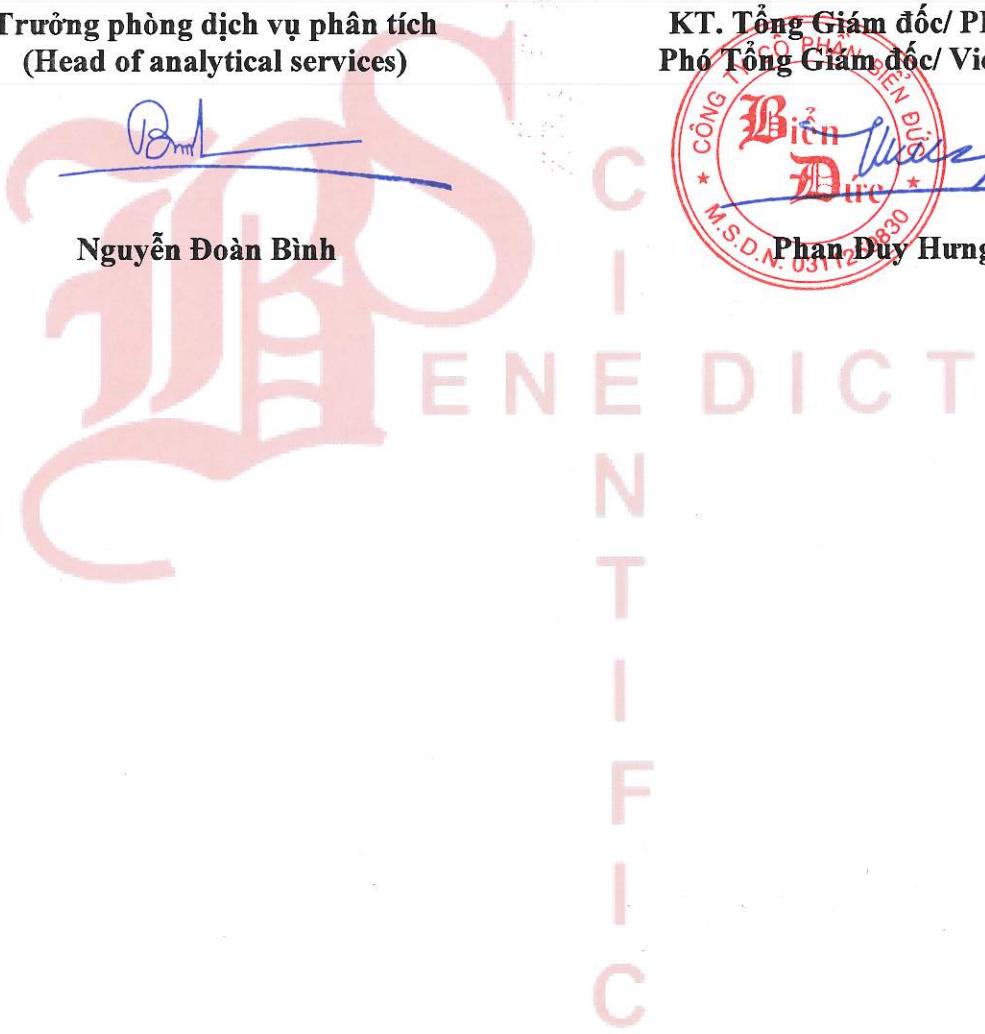


Nguyễn Đoàn Bình

**KT. Tổng Giám đốc/ PP. Director
Phó Tổng Giám đốc/ Vice Director**



Phan Duy Hưng



TRỤ SỞ CHÍNH
781/13/3A Lạc Long Quân, phường Bảy Hiền, Tp.HCM
Hotline: 0914949539
Email: info@bienduc.com
Web: www.bienduc.com

CN ĐÀ NẴNG
06, Hoài Thanh, Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng
Hotline: 0914949774
Email: cndanang@bienduc.vn

CN HÀ NỘI
Nhà vườn 5, Tổng cục 5 Bộ công an, Yên Xá, Thanh Liệt, Hà Nội
Hotline: 0916949490
Email: cnhanoi@bienduc.vn



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)

Số/ No: 08042601/KQ

Tên khách hàng/ Customer

TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG
NÔNG THÔN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ/ Address

Số 39 đường Hoàng Diệu, phường Long Hương, Thành phố Hồ
Chí Minh

Loại mẫu/ Type of sample

Nước sạch

Tên mẫu/ Name of sample

Nước sạch sau xử lý
Trạm bơm tăng áp Sông Xoài, xã Châu Pha, Thành phố Hồ Chí
Minh (10.668224; 107.149094)

Mã số mẫu/ Code of sample

: 080426-003

Mô tả mẫu/ Sample description

Mẫu nước trong, đựng trong 1 can nhựa 2,0L và 1 chai thủy tinh
0,5L

Số lượng/ Quantity

: 01 mẫu

Ngày lấy mẫu/ Date of sampling

: 08/04/2026

Ngày trả kết quả/ Date of result

: 15/04/2026

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Kết quả (Result)	QCVN 01-1 :2024/BYT
				080426-003	
1.	(a) Coliforms	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	<1(*)	<1
2.	(a) E.coli	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	<1(*)	<1
3.	(a) Màu sắc/Color	TCU	TCVN 6185:2015	KPH (LOD = 3)	15
4.	(a) Mùi/Odor	--	HDPT.N-03:2023 (Ref SMEWW 2150:2023)	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
5.	(a) pH	--	TCVN 6492:2011	7,00	6,0 – 8,5
6.	(a) Độ đục/Turbidity	NTU	SMEWW 2130:2023	KPH (LOD = 0,12)	2
7.	(a) Arsen/Arsenic (As)	mg/L	SMEWW 3125B:2023	KPH (LOD = 0,002)	0,01
8.	(a) Clo dư tự do/ free chlorine	mg/L	SMEWW 4500-Cl.B:2023	0,43	0,2 – 1,0
9.	(a) Chỉ số pecmanganat/ permanganate	mg/L	TCVN 6186 :1996	< 1,5 (LOQ = 1,5)	2
10.	(a) Amoni (tính theo N)/ Ammonium	mg/L	TCVN 6179-1:1996	KPH (LOD = 0,03)	1

Nhận xét: Mẫu nước có các chỉ tiêu phân tích đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2024/BYT/ The water sample had parameters which met requirements of National Technical Regulation on the domestic water quality QCVN 01-1:2024/BYT.

Ghi chú/Notes:

- (*) Kết quả được biểu thị "<1 CFU" được xem là "không phát hiện vi sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu kiểm tra;
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the analysis sample only;
- Mẫu được lưu 30 ngày, kể từ ngày trả kết quả, ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh/ Sample is stored 30 days after reased the test results, except for microbiological criteria;
- KPH: Không phát hiện/ Not detected; (–): Không quy định/ No specified; (-): Không thực hiện/Not implemented;
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp/ Limit of detection; LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of quantitation;
- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt / National technical regulation on Domestic Water Quality;

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)**

Số/ No: 08042601/KQ

- Phòng thí nghiệm đã được Bộ Khoa học và Công nghệ cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm (317/TN-TĐC)/ The Testing Lab is granted a Certificate of Registration for Testing Activities (317/TN-TĐC) by the Ministry of Science and Technology.
- (a): Phương pháp đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BOA) – Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 599)/ Method is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation – Viet Nam (Vilas 599)

**Trưởng phòng dịch vụ phân tích
(Head of analytical services)**

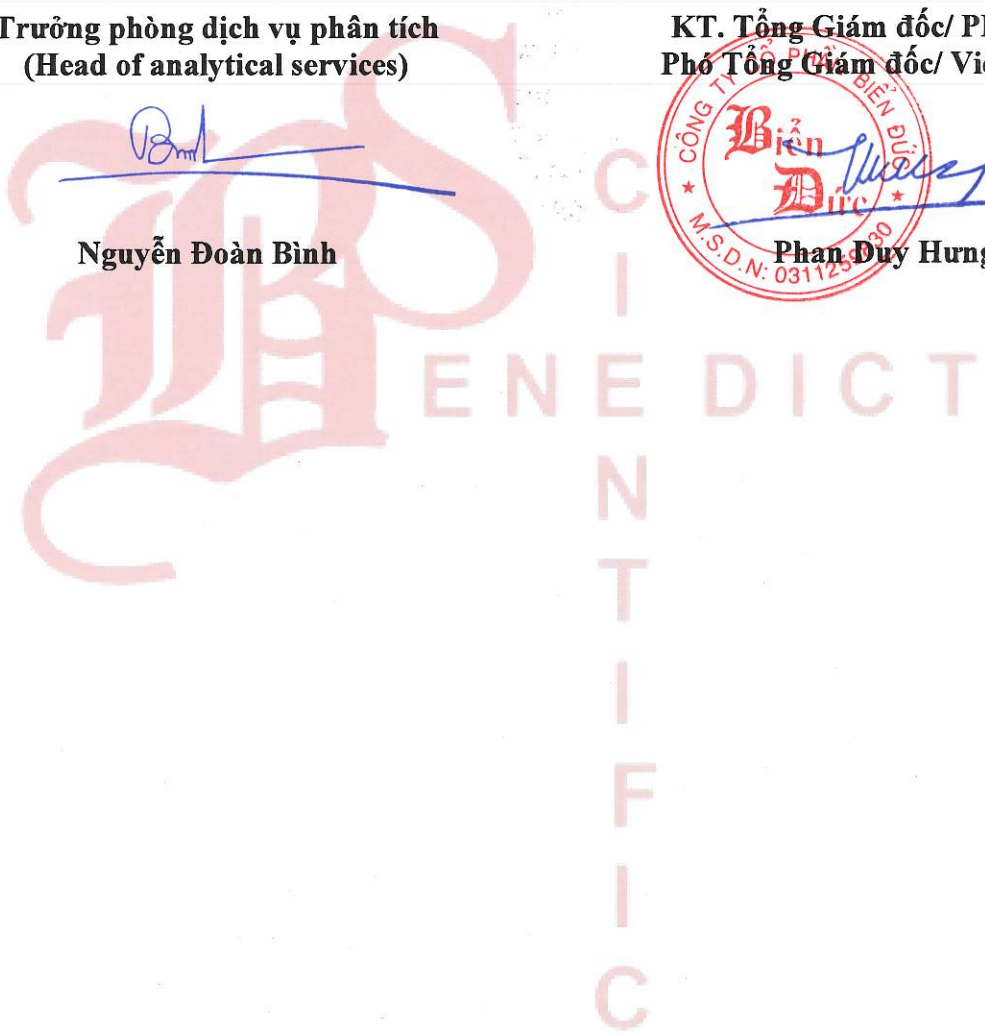
**KT. Tổng Giám đốc/ PP.Director
Phó Tổng Giám đốc/ Vice Director**



Nguyễn Đoàn Bình



Phan Duy Hưng



TRỤ SỞ CHÍNH
781/13/3A Lạc Long Quân, phường Bảy Hiền, Tp.HCM
Hotline: 0914949539
Email: info@bienduc.com
Web: www.bienduc.com

CN ĐÀ NẴNG.....
06, Hoài Thanh, Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng
Hotline: 0914949774
Email: cndanang@bienduc.vn

CN HÀ NỘI.....
Nhà vườn 5, Tổng cục 5 Bộ công an, Yên Xá, Thanh Liệt, Hà Nội
Hotline: 0916949490
Email: cnhanoi@bienduc.vn

